

CÔNG XƯỞNG CHẾ TÁC CÔNG CỤ BẰNG ĐÁ VÀ ĐỜI SỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN THỜI TIỀN SỬ Ở ĐÔNG NAM BỘ

NGUYỄN KHÁNH TRUNG KIÊN

Công xưởng chế tác đá trên địa bàn Đông Nam Bộ là một phát hiện mới của khảo cổ học trong những năm 2006-2010. Hai công xưởng Hàng Ông Đại và Hàng Ông Đụng (tỉnh Bình Dương) là nơi chế tác các loại hình công cụ đá với số lượng lớn, được thực hiện bởi thợ thủ công có tay nghề cao với quy trình chuyên môn hóa. Sự tương đồng giữa hiện vật của các di chỉ công xưởng với các hiện vật tại các di tích cư trú ở Đông Nam Bộ thời tiền sử cho phép đi đến một nhận định: Các công xưởng chế tác đá chính là nơi bảo đảm nguồn cung ứng công cụ sản xuất cho các cộng đồng cư dân tiền sử Đông Nam Bộ, giúp họ nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy quá trình chiếm lĩnh các vùng đất mới và tích lũy kinh nghiệm chế tác cho giai đoạn phát triển cao hơn - kỹ thuật luyện kim.

1. GIỚI THIỆU

Khảo cổ học tiền sử Đông Nam Bộ với hơn 100 năm phát hiện và nghiên cứu (1890 - 2015) đã có nhiều đóng góp mới cho nhận thức của ngành, nhất là trong giai đoạn 40 năm gần đây với các nghiên cứu của giới khảo cổ Việt Nam (1975 - 2015). Các kết quả điều tra, khảo sát đã phát hiện hàng trăm di tích khảo cổ, trong đó có hàng chục di tích được khai quật trên địa bàn Đông Nam Bộ với các loại hình di tích cư trú, di tích mộ táng và di chỉ - xưởng. Đặc biệt, từ năm 2006 đến 2010, các nhà khảo cổ đã phát hiện và khai quật một số công xưởng chế tác công cụ đá ở Đông Nam Bộ (Hàng Ông Đại và Hàng Ông Đụng) và nơi khai thác đá

để mang về các công xưởng chế tác (Hàng Tam Đăng). Những công cụ lao động như: rìu, cuốc, đục, dao hái... được thực hiện bởi những thợ thủ công có tay nghề cao với quy trình chuyên hóa nhằm làm ra sản phẩm với số lượng lớn. Đây là những phát hiện mới có ý nghĩa khoa học, góp phần tìm hiểu đời sống kinh tế, xã hội của các cộng đồng cư dân tiền sử Đông Nam Bộ.

Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát các loại hình sản phẩm của hai công xưởng Hàng Ông Đại, Hàng Ông Đụng, tìm hiểu vai trò của chúng trong hoạt động kinh tế, đời sống của các cộng đồng cư dân thời tiền sử ở Đông Nam Bộ.

di tích được khai quật với 4 hố có tổng diện tích 72m², ngoài ra còn có 8 hố thám sát với tổng diện tích 18m².

* Di tích Hàng Ông Đụng: được đào thám sát năm 2009 với 1 hố diện tích 3m². Năm 2010 khai quật 2 hố với tổng diện tích 18m² và 9 hố thám sát tổng diện tích 18m².

Tầng văn hóa của hai di tích có độ dày khoảng 0,5m - 1m, tập trung dày đặc các mảnh tước nhiều kích cỡ, các hiện vật đang chế tác dở dang (phác vật) và các phế phẩm của quá trình chế tác (phế vật, đá nguyên liệu). Ngoài ra, còn một số ít sản phẩm đã chế tác gần hoàn chỉnh (chỉ cần mài lưỡi sắc bén là có thể sử dụng) và các dụng cụ dùng trong quá trình chế tác (đục, hòn ghè, đe, chày và bàn mài). Dấu vết của sự cư trú rất mờ nhạt tại di chỉ. Ở đây chỉ có một số mảnh vỡ của đồ gốm, có thể là vật dụng sinh hoạt ngắn ngày trong quá trình chế tác. Hai di tích được xác định niên đại khoảng 3.500 năm cách ngày nay (Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Khánh Trung Kiên và cộng sự, 2008; 2010).

2. LOẠI HÌNH SẢN PHẨM CỦA CÁC CÔNG XƯỞNG

Kết quả các cuộc khai quật tại hai công xưởng Hàng Ông Đại và Hàng Ông Đụng cho thấy các dòng sản phẩm được chế tác tại những công xưởng này hoàn toàn tương tự với các công cụ được người cổ sử dụng trong các di tích cư trú.

2.1. Công cụ lao động

Do tính chất của công xưởng chỉ là nơi chế tác ra các sản phẩm và sau

đó chúng được mang đến nơi khác (di tích cư trú) để sử dụng nên trong các di tích này thường tìm thấy rất ít các sản phẩm hoàn chỉnh so với các phế phẩm bị loại bỏ do hư hỏng trong quá trình gia công. Có thể nhận diện một số loại hình sản phẩm được chế tác tại hai xưởng chế tác đá Hàng Ông Đụng và Hàng Ông Đại (Bình Dương) như sau:

- *Rìu*: là loại hình công cụ xuất hiện trong nhiều di tích ở Đông Nam Bộ, từ các di chỉ - xưởng như Cầu Sắt, Suối Linh, Mỹ Lộc cho đến các công xưởng chuyên hóa như Hàng Ông Đụng và Hàng Ông Đại. Hai dòng hiện vật phổ biến là rìu có vai và rìu tứ giác. Nhóm rìu có vai còn được chia thành nhiều phân nhóm như: rìu vai nhọn, rìu vai ngang và rìu vai xuôi.

+ *Rìu có vai*: số lượng tìm thấy ít hơn so với rìu tứ giác và thay đổi theo từng di tích cụ thể. Tại Hàng Ông Đại có 34 chiếc, còn Hàng Ông Đụng có 4 chiếc. Căn cứ qua diện tích khai quật với số lượng rìu có vai tìm được, có thể cho rằng ở Hàng Ông Đại phổ biến loại hình rìu có vai hơn Hàng Ông Đụng.

Ở cả hai công xưởng này, rìu có vai thường có kích thước nhỏ (độ dài dưới 10cm), được định hình bằng kỹ thuật ghè, vai tạo dáng xuôi nhẹ (rất ít hiện vật có vai ngang), và rất hẹp (độ rộng dưới 0,5cm), không tách biệt rõ với phần đốc và thân. Thân rìu phần lớn có dạng hình thang hay chữ nhật, một số ít gần vuông, mặt cắt ngang thân hình chữ nhật. Trên thân còn nhiều dấu vết của quá trình ghè định

hình lưu lại. Rìu lưỡi thường có dạng cong nhẹ, một số ít có dạng cong tròn, mặt cắt dọc, phổ biến là loại lưỡi vát lệch.

+ Rìu tứ giác: là loại hình công cụ lao động xuất hiện nhiều nhất trong các xưởng chế tác đá. Tại Hàng Ông Đại có 59 chiếc; Hàng Ông Đụng có 63 chiếc. Ở hai công xưởng này, dù những chiếc rìu tứ giác được tìm thấy có số lượng xấp xỉ nhau nhưng với diện tích khai quật ở Hàng Ông Đụng nhỏ hơn rất nhiều (chỉ 25%) so với Hàng Ông Đại nên dễ dàng nhận thấy rìu tứ giác là một sản phẩm ưu thế của công xưởng Hàng Ông Đụng. Tại các công xưởng này, hầu hết các chiếc rìu tứ giác đang trong quá trình chế tác gần hoàn thiện, một số rất ít hiện vật đã có dấu mài nhẹ ở rìa lưỡi. Phổ biến nhất ở các di chỉ là loại rìu có thân dạng hình thang với mặt cắt ngang thân hình chữ nhật, rìa lưỡi cong nhẹ, một số có rìa lưỡi hơi xòe rộng.

- *Cuốc*: là loại hình công cụ được chế tác với số lượng lớn trong các công xưởng Hàng Ông Đại, Hàng Ông Đụng, gồm hai nhóm chính: cuốc tứ giác và cuốc có vai. Cuốc thường có kích thước lớn, thân có dạng hình thang dài, dày với phần đốc tạo dáng thon nhỏ hơn phần lưỡi. Lưỡi cuốc hơi xòe rộng và có rìa lưỡi được tạo dáng cong nhẹ (một số ít có dạng cong tròn), mặt cắt dọc thân hơi cong khum do được ghè vát lệch phần lưỡi, mặt cắt ngang thân có dạng hình chữ nhật, trên thân còn để lại nhiều dấu ghè định hình, một số tiêu bản đã có dấu vết mài ở rìa lưỡi.

+ Cuốc có vai: là loại hiện vật chỉ tìm thấy tại di tích Hàng Ông Đại với 87 chiếc, thường có kích thước lớn (dài trên 15cm), thân cuốc có dạng hình thang với phần đốc nhỏ, vai có dáng xuôi nhẹ hay ngang, rìa lưỡi được tạo dáng cong tròn hoặc trũng sâu dạng hình parabol.

+ Cuốc tứ giác: được phát hiện nhiều hơn trong công xưởng Hàng Ông Đụng (20 chiếc) so với (Hàng Ông Đại (7 chiếc). Những chiếc cuốc tứ giác ở Hàng Ông Đại có đốc dài và nhỏ hơn rìa lưỡi, hai cạnh hông được ghè thẳng, một số hiện vật có cạnh hông cong lõm nhẹ ở đoạn gần rìa lưỡi, tạo dáng lưỡi hơi xòe rộng, mặt cắt ngang đốc, ngang thân hình chữ nhật và ngang rìa lưỡi có dạng hình thấu kính. Trên thân cuốc còn nhiều vết ghè định hình và cả những vết ghè tu chỉnh nơi rìa lưỡi, rìa hông và cả đốc. Ở Hàng Ông Đại, rìa lưỡi phổ biến loại có dáng cong nhẹ, chỉ có một số rất ít hiện vật có rìa lưỡi cong tròn, trũng sâu. Trong khi đó, những chiếc cuốc ở Hàng Ông Đụng phổ biến là loại có kích thước rất lớn và dày, thân có dạng hình thang, phần đốc tạo dáng nhỏ hơn phần lưỡi, lưỡi hơi xòe rộng, rìa lưỡi tạo dáng cong nhẹ (rất ít loại có rìa lưỡi cong tròn), mặt cắt dọc hơi khum do được ghè vát lệch nơi lưỡi. Mặt cắt ngang thân hình chữ nhật, trên thân còn nhiều dấu ghè định hình.

- *Đục*: được tìm thấy tại công xưởng Hàng Ông Đụng với 18 chiếc đục tứ giác và 2 chiếc đục có vai xuôi, ngắn vai rất hẹp.

- *Dao hái và dao cắt*: được tìm thấy ở cả hai di tích, với 24 chiếc ở Hàng Ông Đại và 18 chiếc ở Hàng Ông Đụng. Tuy số lượng tìm được tại các di tích gần bằng nhau, nhưng qua so sánh diện tích khai quật thì tại Hàng Ông Đụng loại hình dao là những sản phẩm phổ biến hơn. Dao hái được chia thành các nhóm nhỏ sau:

+ Dao hái hình bán nguyệt cỡ lớn (dài > 15cm): được chế tác từ các phiến tước dạng lá dài, kích thước lớn, thường có một mặt nhẵn, mặt còn lại có nhiều vết ghe định hình và trên một số hiện vật có hiện tượng ghe tu chỉnh ở cả hai mặt của lưỡi dao để tạo nên một rìa lưỡi cân đối. Các dao hái nhóm này thường có dạng hình bán nguyệt với một cạnh thẳng là sống dao, hai đầu nhọn, trong đó có một đầu là diện ghe của phiến tước trước đây nên dày hơn và bị vặn xoắn nhẹ (do u ghe để lại nếu chưa được ghe tu chỉnh để loại bỏ). Ở một số hiện vật, các vết ghe trên thân dao thường nằm ở mặt lưng của mảnh tước, sống dao thẳng nhưng có nhiều vết ghe định hình nên lồi lõm, rìa lưỡi thường có dạng cong nhẹ với độ lượn cong đều, chỉ có rất ít hiện vật có rìa lưỡi cong lệch về một đầu, dọc rìa lưỡi có các vết ghe tu chỉnh.

+ Dao hái hình bán nguyệt cỡ nhỏ (dài từ 8cm - 15cm): được chế tác từ các phiến tước cỡ trung bình, dạng hình lá dài, có một mặt nhẵn láng, mặt còn lại có các vết ghe tu chỉnh nhỏ. Dao hái nhóm này cũng có một cạnh thẳng là sống dao, hai đầu đang được ghe tạo dáng thu nhọn, rìa lưỡi mỏng,

được ghe tu chỉnh, còn nhiều vết ghe nhỏ.

+ Dao cắt (?): thường có dạng dài, sống dày và cong lõm nhẹ, rìa lưỡi được tạo dáng vát cân đối, có các vết ghe định hình ở cả hai mặt. Loại hình hiện vật này thường bị gãy hai đầu nhọn trong quá trình chế tác nên khó nhận biết hình dáng hoàn chỉnh.

2.2. Các sản phẩm chưa hoàn chỉnh

Do tính chất của các công xưởng là nơi chế tác hiện vật đá mang tính chuyên hóa cao, với các công đoạn chế tác liên hoàn nên bên cạnh các sản phẩm hoàn chỉnh, còn tìm thấy các sản phẩm chỉ mới được ghe định hình ở dạng phác vật (xem Bảng 1). Các phác vật chỉ mới được tạo dáng hình khối với kích thước phù hợp cho mỗi loại hình công cụ, chúng chưa được ghe tu chỉnh để tạo dáng hay độ sắc bén cho lưỡi, còn nhiều vết ghe lớn trên thân. Đây là nhóm hiện vật chiếm tỷ lệ cao nhất trong các công xưởng chế tác đá. Việc phân định chức năng của các phác vật này chủ yếu dựa trên kích thước và hình dáng của chúng. Tại Hàng Ông Đại và Hàng Ông Đụng có các nhóm phác vật sau:

- *Phác vật rìu*: được phát hiện với số lượng lớn trong hai công xưởng: Hàng Ông Đại (130 chiếc) và Hàng Ông Đụng (58 chiếc). Dựa trên kích thước và hình dáng của rìa lưỡi có thể phân loại thành những nhóm sau:

+ Phác vật rìu tứ giác lưỡi cong trũng dạng parabol: thân có dạng hình chữ nhật, rìa lưỡi cong tròn, trũng sâu, vát

lệch, trên thân còn nhiều vết ghè định hình, đặc biệt nơi rìa lưỡi và hai cạnh hông có nhiều vết âm bản nhỏ, nằm sát nhau nơi rìa lưỡi là các vết ghè định hình và tu chỉnh.

+ Phác vật rìu tứ giác cỡ nhỏ (dài khoảng 5-10cm): thân dạng hình thang, một số có đốc thu nhỏ, trên thân còn nhiều vết ghè của quá trình định hình và tu chỉnh, đặc biệt nơi hai cạnh hông. Lưỡi rìu có các vết ghè tu chỉnh nhỏ, rìa lưỡi thường có độ cong trung sâu. Hầu hết công cụ nhóm này có mặt cắt dọc vát lệch nơi lưỡi, rất ít hiện vật tạo dáng cân đối.

+ Phác vật rìu tứ giác cỡ lớn (dài > 12cm): thân dạng hình thang, hai cạnh hông thẳng, rìa lưỡi cong tròn, trên thân còn nhiều vết ghè trên cả hai mặt, đốc rìu thường nhỏ hơn rìa lưỡi rất nhiều.

- *Phác vật cuốc*: tại công xưởng Hàng Ông Đại tìm thấy 33 chiếc và Hàng Ông Đụng có 19 chiếc. Hiện vật loại này có những khác biệt về kích thước và hình dáng, có thể chia thành các nhóm sau:

+ Cuốc tứ giác đốc lớn: là phác vật cuốc tứ giác đã định hình hoàn chỉnh nhưng chưa được mài. Thân cuốc có dạng hình thang, còn nhiều vết ghè lớn ở cả hai mặt và hai cạnh hông, đốc lớn so với thân, rìa lưỡi cong nhẹ, đã ghè hoàn chỉnh về độ cong, vát lệch về một bên.

+ Cuốc tứ giác bản rộng: là loại hình công cụ phổ biến trong các di tích ở miền Đông Nam Bộ. Thân cuốc có dạng hình thang, dài, đốc lớn, rìa lưỡi cong nhẹ và vát lệch.

+ Cuốc tứ giác thân hình chữ nhật, lưỡi vát lệch: thân cuốc gần như dạng hình chữ nhật, dài, đốc hơi thu nhỏ, rìa lưỡi cong nhẹ, trên thân còn nhiều dấu vết của quá trình ghè định hình.

- *Phác vật đục*: khá phổ biến trong công xưởng Hàng Ông Đại (66 chiếc), ít hơn tại di tích Hàng Ông Đụng (5 chiếc). Qua so sánh, có thể nhận thấy các phác vật đục ở Hàng Ông Đại tuy nhiều, nhưng lại ít sản phẩm hoàn chỉnh như ở Hàng Ông Đụng. Phác vật đục có các nhóm khác nhau về kích thước và độ cong rìa lưỡi như sau:

+ Đục tứ giác cỡ lớn (dài > 10cm), rìa lưỡi cong nhẹ: có dạng dài, hình chữ nhật, đốc rộng gần bằng thân, rìa lưỡi cong nhẹ, một số hiện vật có bản lưỡi mài thu nhỏ hơn thân, phần lớn được mài vát cân.

+ Đục tứ giác cỡ nhỏ (dài từ 7-10cm), rìa lưỡi cong nhẹ: có kích thước nhỏ, rìa lưỡi cong tròn, đốc thu nhỏ, trên thân còn nhiều vết ghè định hình. Đục thường có một mặt lưng phẳng, mặt còn lại gồ ghề hơn với nhiều vết âm bản.

+ Đục tứ giác cỡ nhỏ (dài từ 7-10cm), rìa lưỡi bằng: có lưỡi nhỏ, rìa lưỡi bằng, thân hơi to ở đoạn giữa. Một số hiện vật cho thấy có sự tận dụng tái chế từ các rìu có vai bị hư khi chế tác trước đó.

- *Phác vật dao hái*: chỉ tìm thấy tại công xưởng Hàng Ông Đại với 49 hiện vật, được chia thành hai nhóm dựa trên kích thước:

+ Phác vật dao hái loại lớn (dài > 15cm): là những hiện vật chế tác dở dang của loại hình dao hái hình bán nguyệt cỡ lớn, được phát hiện nhiều trong di tích. Hầu hết chúng còn nhiều vết ghe lớn của quá trình chế tác, một cạnh thẳng là sống dao và cạnh còn lại là rìa lưỡi cong nhẹ, mỏng, sắc.

+ Phác vật dao loại nhỏ (dài từ 10-12cm): có thân dạng hình bán nguyệt, dài, lưỡi cong nhẹ, có một cạnh sống dày, trên thân còn nhiều vết ghe.

- *Phác vật chưa định hình*: có 77 hiện vật trong công xưởng Hàng Ông Đụng, hiện vật nhóm này là những phác vật đang được ghe đẽo, chưa định hình,

trên thân còn nhiều vết ghe lớn, thường chỉ có dạng hình khối.

2.3. Dụng cụ chế tác - gia công

Trên bình diện khai quật hai công xưởng Hàng Ông Đại và Hàng Ông Đụng, bên cạnh sản phẩm được làm ra và các phế phẩm còn phát hiện các dụng cụ dùng để chế tác ra các sản phẩm đó như: hòn ghe, chày, hòn kê (đẽ) và các bàn mài (xem Bảng 1). Đây là những dụng cụ được người thợ thủ công sử dụng trong quá trình ghe đẽo. Trên bình diện khai quật chúng nằm gần nhau và thường tập trung thành từng cụm gồm hòn ghe, hòn kê và bàn mài, xung quanh ken

Bảng 1. Loại hình và mật độ hiện vật trong công xưởng Hàng Ông Đại và Hàng Ông Đụng

Loại hình	Hàng Ông Đại (72m ²)	Mật độ (chiếc/m ²)	Hàng Ông Đụng (18m ²)	Mật độ (chiếc/m ²)
Rìu tứ giác	59	0,82	63	3,50
Rìu có vai	34	0,47	4	0,22
Cuốc tứ giác	87	1,21	20	1,11
Cuốc có vai	7	0,10		
Đục tứ giác			18	1,00
Đục có vai			2	0,11
Dao hái	24	0,33	18	1,00
Phác vật rìu	130	1,81	58	3,22
Phác vật cuốc	33	0,46	19	1,06
Phác vật đục	66	0,92	5	0,28
Phác vật dao hái	49	0,68		
Không xác định			77	4,28
Phế vật rìu	96	1,33	125	6,94
Phế vật cuốc	61	0,85		
Phế vật đục	14	0,19	18	1,00
Phế vật dao hái			5	0,28
Không xác định	260	3,61	46	2,56
Bàn mài	104	1,44	19	1,06
Hòn ghe	11	0,15	26	1,44
Tổng cộng	1.035	14,38	523	29,06

Nguồn: Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Khánh Trung Kiên và cộng sự. 2008, 2010.

dày các mảnh xước và phế phẩm của quá trình chế tác. Các cụm dụng cụ này có thể chính là nơi người cổ ngời để chế tác công cụ đá.

Hòn ghè thường là các khối đá hình cầu hay dạng tròn với hai mặt phẳng, một số được tận dụng từ các khối bàn mài bằng sa thạch. Quanh rìa hòn ghè có các vết mòn, dập nát do lực tác động với vật bị ghè đẽo. Tại Hàng Ông Đại có 11 hiện vật, Hàng Ông Đụng có 26 hiện vật.

Bàn mài: được phát hiện rất ít, ở Hàng Ông Đại có 104 chiếc, Hàng Ông Đụng có 19 chiếc. Bàn mài là các khối sa thạch màu xám, vết mài thường cạn và không có hiện tượng tận dụng các mặt để mài như trong các di tích cư trú. Phần lớn sản phẩm được chế tác tại đây chưa có dấu mài hoặc chỉ mới được mài nhẹ ở rìa lưỡi, cùng với số lượng bàn mài tìm được không nhiều cho thấy có thể các bàn mài này được sử dụng để mài các dụng cụ chế tác của người thợ thủ công trong quá trình sản xuất.

2.4. Các phế vật và mảnh xước

Đây là những phế phẩm của các công đoạn trong quy trình chế tác, bị loại bỏ bởi nhiều lý do, có thể do chất lượng nguyên liệu hay bị lỗi kỹ thuật khiến hiện vật bị gãy vỡ nên không thể tiếp tục chế tác (xem Bảng 1).

- Phế vật: được tìm thấy rất nhiều trong hai công xưởng Hàng Ông Đại (431 hiện vật) và Hàng Ông Đụng (194 hiện vật). Có thể phân chia phế vật thành hai nhóm: phế vật đã định hình và phế vật chưa định hình. Các

phế vật đã định hình có số lượng nhiều hơn với 391 hiện vật so với phế vật chưa định hình chỉ có 306 hiện vật. Một số loại hình phế vật có thể nhận dạng được là:

- Phế vật rìu và cuốc: 125 hiện vật, phần lớn bị vỡ đôi chỉ còn đốc hoặc lưỡi, một số ít vỡ xéo theo sớ đá.

- Phế vật đục: có 32 hiện vật, hầu hết có thân đã định hình, một số được tái chế từ các công cụ lớn hơn, bề mặt thân đã được mài gần hết các vết ghè, riêng phần lưỡi của công cụ thường bị gãy, hay chưa được chế tác hoàn thiện.

- Phế vật rìu có vai: gồm 22 hiện vật, hầu hết chúng là rìu có vai thân dạng hình thang, đốc dài, phần lưỡi bị gãy ngang và phần thân còn lại quá ngắn không thể tiếp tục chế tác.

- Phế vật dao hái: 5 hiện vật, phần lớn bị gãy đôi.

- Lưỡi rìu: 74 hiện vật, hầu hết còn các vết ghè quanh rìa lưỡi.

- Lưỡi cuốc: có 61 hiện vật giống lưỡi của loại hình công cụ có kích thước lớn, có thể là cuốc, quanh rìa lưỡi còn nhiều vết ghè lớn ở cả hai mặt.

- Phế vật công cụ (chưa định dạng): có 170 hiện vật, là mảnh vỡ hay những phần còn lại của một công cụ đã bị hỏng trong quá trình chế tác, trên thân còn nhiều vết ghè lớn. Các vết vỡ gây nên tình trạng hư hỏng có thể do ghè quá lực hay do sớ đá. Không thể nhận dạng chức năng của các mảnh vỡ này.

- Phế vật công cụ (bắt đầu định dạng): có 59 hiện vật, ở nhóm này đã có thể

nhận dạng được công cụ như có vai hay không vai, cuốc hay rìu. Hiện vật là mảnh vỡ của công cụ đang trong quá trình ghè định hình.

- Phế vật công cụ (đã định dạng): gồm 77 hiện vật, có thể nhận dạng được là mảnh vỡ của các công cụ đang trong quá trình ghè tu chỉnh, trên thân còn nhiều vết ghè.

- Mảnh tước: là các mảnh đá tách ra trong quá trình chế tác công cụ. Mảnh tước có nhiều kích cỡ khác nhau, tương ứng với lực tác động trong các công đoạn. Các mảnh kích thước lớn (> 5cm) thuộc công đoạn sơ chế, trong quá trình định hình phác vật. Mảnh tước cỡ trung bình (3cm - 5cm), là các mảnh vỡ của quá trình ghè định hình hiện vật. Còn mảnh tước cỡ nhỏ (1cm - 3cm) thuộc quá trình tu chỉnh hiện vật. Các vảy tước (< 1cm) là mảnh vỡ của kỹ thuật tu chỉnh với lực nhẹ và chính xác để tạo rìa lưỡi cho

công cụ. Các phiến tước là mảnh tước dạng dài, diện ghè nằm ở một đầu, được tách khỏi hiện vật bằng kỹ thuật ghè trên đe với dụng cụ truyền lực là đục, được phân chia thành các nhóm kích thước tương tự các mảnh tước.

Tại Hàng Ông Đại, qua sàng lọc trong 4 hố khai quật và 8 hố thám sát (tổng diện tích 90m²) có 229.638 mảnh vỡ các loại. Trong đó, phần lớn là các mảnh tước cỡ nhỏ (111.046), các mảnh cỡ trung bình và vảy tước có số lượng tương đương, các mảnh tước cỡ lớn ít hơn (10.589). Các phiến tước cỡ nhỏ và trung bình chiếm số lượng chủ yếu (3.257 và 4.470 mảnh) so với phiến tước cỡ lớn (471 mảnh) (xem Bảng 2).

Trong khi đó, tại di tích Hàng Ông Đụng với 2 hố khai quật và 9 hố thám sát (tổng diện tích 36m²) thu được 276.772 mảnh vỡ các loại. Trong đó,

Bảng 2. Số lượng mảnh tước (di tích Hàng Ông Đại)

Vị trí	Mảnh tước				Phiến tước			Tổng
	Lớn	Trung bình	Nhỏ	Vảy	Lớn	Trung bình	Nhỏ	
H1	8685	41509	81603	25259	124	3033	220	160433
H2	930	3642	10433	10817	123	474	825	27244
H3	344	2613	6001	3115	120	492	933	13618
H4	329	2881	10911	7269	87	420	1117	23014
TS1	17	88	227	57	3	2	18	412
TS2	9	257	352	219		7	21	865
TS4	34	105	135	11	3	6	10	304
TS5	1	29	10	4	3	2		49
TS6	230	220	341	512	6	11	29	1349
TS7	1	86	328	438		18	39	910
TS8	9	132	705	542	2	5	45	1440
Tổng	10589	51562	111046	48243	471	4470	3257	229638

Nguồn: Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Khánh Trung Kiên và cộng sự. 2008.

Bảng 3. Số lượng mảnh tước (di tích Hàng Ông Đụng)

Vị trí	Mảnh tước				Phiến tước			Tổng
	Lớn	Trung bình	Nhỏ	Vảy	Lớn	Trung bình	Nhỏ	
H1	1216	5581	41671	140501	337	1406	1934	192646
H2	465	1976	9580	23386	186	265	438	36296
TS1	44	258	2213	491	20	41	46	3113
TS2	26	208	3239	796	5	32	48	4354
TS3	66	738	4457	4211	34	67	116	9689
TS4	175	511	2410	2306	19	37	28	5486
TS5	91	1074	6222	4091	42	111	210	11841
TS6	77	298	3033	1139	46	66	170	4829
TS7	6	30	6	49			91	182
TS8	49	325	1491	745	15	44	2669	5338
TS9	27	74	251	1105	17	25	1499	2998
Tổng	2242	11073	74573	178820	721	2094	7249	276772

Nguồn: Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Khánh Trung Kiên và cộng sự. 2010.

các vảy tước chiếm số lượng rất lớn (178.820), các mảnh tước cỡ nhỏ cũng rất nhiều (74.573), các mảnh cỡ trung bình và lớn rất ít. Các phiến tước cỡ nhỏ chiếm số lượng nhiều nhất (7.249 mảnh), phiến tước cỡ trung bình và lớn ít hơn (2.094 và 721 mảnh) (xem Bảng 3).

Qua số liệu thống kê các kích cỡ mảnh tước trong hai công xưởng (Bảng 2 và Bảng 3), có thể thấy tại Hàng Ông Đại chiếm tỷ lệ cao là các nhóm mảnh tước cỡ nhỏ cho đến trung bình, các vảy tước và mảnh tước cỡ lớn ít hơn. Vì vậy, có thể nhận định tại công xưởng Hàng Ông Đại, chỉ diễn ra các công đoạn chế tác từ phác vật cho đến hiện vật đã định hình, quá trình tu chỉnh và hoàn thiện sản phẩm không thể hiện rõ nét. Ngược lại, tại di tích Hàng Ông Đụng, chiếm tỷ lệ áp đảo là các vảy tước và các mảnh tước cỡ nhỏ. Điều đó cho thấy ở công xưởng này người thợ thủ

công không chỉ chế tác nên các sản phẩm đã định hình mà còn thực hiện cả công đoạn tu chỉnh để cho ra các sản phẩm gần như hoàn chỉnh (chỉ cần thêm công đoạn mài là có thể sử dụng).

3. VAI TRÒ CỦA CÔNG XƯỞNG CHẾ TÁC ĐÁ TRONG ĐỜI SỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN CỔ

Các phát hiện khảo cổ gần đây cho thấy cộng đồng cư dân thời tiền sử Đông Nam Bộ đã chiếm hữu một không gian rộng lớn trên cả vùng cao Bình Phước, vùng hạ lưu sông Đồng Nai, vùng cận biển và một tiểu vùng văn hóa có nhiều đặc trưng khác biệt là lưu vực sông Vàm Cỏ. Những sản phẩm đồng dạng với các sản phẩm làm ra từ các công xưởng được khảo cứu trên đây đều có mặt trên hầu hết các vùng văn hóa cổ ở Đông Nam Bộ nói trên. Các loại rìu, cuốc, đục chính là những công cụ thiết yếu và hữu ích trong hoạt động khai thác môi trường

tự nhiên của các cộng đồng cư dân cổ này.

- Vùng cao Đông Nam Bộ

Vùng cao Đông Nam Bộ là nơi công cụ sản xuất bằng đá được phát hiện nhiều nhất so với các tiểu vùng khác. Khu vực này có địa hình đồi gò đất đỏ, xen kẽ sông suối, bị chi phối mạnh bởi dòng chảy của hệ thống sông Đồng Nai và các chi lưu của nó. Nơi đây cũng là vùng đất bạt ngàn những cánh rừng nhiệt đới nằm trên những dải đồi đất đỏ nhấp nhô có cao trình khoảng 50m - 200m và các đồi gò phù sa cổ ven theo các dòng chảy của các con sông. Khảo cổ học đã phát hiện hàng trăm di tích phân bố ven lưu vực sông Đồng Nai và các chi lưu hoặc ngay trên các cù lao giữa sông (như trường hợp Cù Lao Rùa). Ngoài ra, trên cao trình khoảng 200m so với mực nước biển, có một hệ thống các di tích đất đắp dạng tròn (46 địa điểm) đã được phát hiện, cho thấy sự chiếm hữu không gian cư trú rộng lớn của các cộng đồng cư dân cổ, tạo lập những vùng cư trú thật sự đa dạng cho vùng đất Đông Nam Bộ.

Trong các di tích nói trên đã phát hiện và thu thập được hàng ngàn di vật khảo cổ học. Các loại hình hiện vật phổ biến nhất là rìu và cuốc. Qua so sánh loại hình học, thì thấy các hiện vật trong di tích cư trú rất giống với nguyên mẫu tại các công xưởng. Phân tích thành phần thạch học cũng cho thấy hiện vật đá trong các di tích đất đắp dạng tròn ở Bình Phước hầu hết là loại đá tương tự hiện vật ở các

công xưởng Hàng Ông Đại, Hàng Ông Đụng. Hơn nữa nguồn đá này cũng chỉ xuất lộ thành một vệt trong khoảng 20km dọc theo sông Bé mà hai công xưởng nói trên nằm ở đoạn giữa (Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2014).

Các cộng đồng cư dân cổ Đông Nam Bộ có lẽ đã sử dụng công cụ rìu đá để chặt cây rừng, phát quang tạo lập nơi cư trú. Những chiếc cuốc đá cũng rất thích hợp cho các hoạt động nông nghiệp nương rẫy như trồng lúa và các loại rau củ. Công cụ sản xuất tiên bộ đã góp phần không nhỏ cho cư dân chiếm lĩnh không gian cư trú rộng lớn hơn (một số di tích có diện tích cư trú vài hecta: di tích Mỹ Lộc, di tích Suối Linh, di tích Cầu Sắt,...). Như vậy, việc hình thành những công xưởng với tính chất chuyên hóa, như hai công xưởng Hàng Ông Đụng và Hàng Ông Đại nằm hai bên bờ sông Bé là một đòi hỏi tất yếu. Kết quả khai quật cho thấy những người thợ thủ công từng sản xuất một số lượng rất lớn các công cụ bằng đá, đáp ứng nhu cầu phát triển của các cộng đồng.

Các loại hình công cụ sản xuất được phát hiện trong các di tích khảo cổ học vùng cao Đông Nam Bộ có mật độ hiện vật thu thập rất lớn, cùng với bằng chứng của việc chế tác công cụ tại chỗ trong mỗi cộng đồng không rõ nét, đã cho thấy năng lực sản xuất của các công xưởng chế tác đá khá hơn, là nguồn cung cấp công cụ lao động chủ yếu, chi phối hoạt động sản xuất của cộng đồng cư dân cổ trong vùng.

Công xưởng, mà trực tiếp là các sản phẩm được chế tác từ nó, cũng đóng vai trò quan trọng cho việc tăng năng suất lao động nông nghiệp, góp phần tạo nên những sản phẩm dư thừa, thúc đẩy cộng đồng phát triển, bởi nó tạo nên tích lũy xã hội và khiến sự phân công lao động được diễn ra một cách nhanh hơn. Có thể cũng bắt nguồn từ những tác động này nên ngay từ khoảng 3.000 năm cách ngày nay, ở vùng cao Đông Nam Bộ đã chứng kiến một bước phát triển nhảy vọt trong đời sống cộng đồng - đó là sự xuất hiện của kỹ thuật luyện kim. Kỹ thuật này đã nhanh chóng đạt đến đỉnh cao của quá trình phát triển, và còn để lại dấu tích qua di tích khảo cổ học nổi tiếng Dốc Chùa.

Công xưởng chế tác đá có vị trí đặc biệt trong tiến trình phát triển của thời tiền sử Đông Nam Bộ, nó đã giúp các cộng đồng cư dân Đông Nam Bộ thoát ra khỏi tính chất “tự cấp tự túc” chậm chạp trước đó, đóng góp vào những thành tựu văn hóa của một giai đoạn nhất định và đã hoàn thành vai trò lịch sử của mình khi kỹ thuật luyện kim xuất hiện và đạt đến đỉnh cao.

Bên cạnh các công xưởng chế tác công cụ sản xuất, trong tiểu vùng văn hóa này còn xuất hiện một công xưởng chế tác đồ trang sức - đó là di tích Đồi Phòng Không. Đây là một công xưởng chuyên sản xuất ra những chiếc vòng đeo tay cho cộng đồng và sản phẩm từ đây đã lan tỏa đến các vùng khác nhau trong khu vực. Loại hình vòng tay tuy có số lượng không nhiều nhưng cũng xuất

hiện tương đối phổ biến trong các di tích cư trú thuộc miền Đông Nam Bộ thời tiền sử và góp phần hoàn thiện bức tranh một xã hội đang phát triển thời kỳ này.

- Vùng cửa sông - cận biển

Không khác nhiều với các di tích khảo cổ học thuộc vùng cao, nhu cầu sử dụng các loại hình công cụ của cư dân vùng này cũng rất lớn, thấy rõ nhất trong những di tích thuộc giai đoạn sớm (hơn 3.000 đến gần 3.500 năm cách ngày nay) như Cái Vạn với số lượng lớn hiện vật bằng đá được tìm thấy (324 rìu tứ giác và 123 rìu có vai trong tầng văn hóa qua các lần khai quật). Với sự tương đồng về mặt loại hình hiện vật giữa các di tích cư trú tại đây với các di chỉ công xưởng, có thể nghĩ rằng các cộng đồng cư dân vùng cửa sông cận biển cũng đã sử dụng một số loại hình công cụ sản xuất được chế tác từ các công xưởng ở vùng cao để khai phá những giồng đất ven cửa sông, đốn cây bằng những chiếc rìu đá để tạo lập những ngôi làng nhà sàn bằng gỗ mà khảo cổ học đã khai quật và phát hiện trong các di tích như Cái Vạn, Cái Lăng và Rạch Lá.

Bước sang giai đoạn muộn hơn (khoảng 3.000 năm cách ngày nay), khi quá trình khai phá mở rộng không gian sinh sống của các cộng đồng cư dân cổ tiến đến vùng cận biển, họ đã bị chi phối mạnh bởi các yếu tố từ môi trường tự nhiên vùng ngập mặn như diện tích canh tác nương rẫy không nhiều, đồng thời kinh tế khai thác

nguồn lợi từ biển có thể đã chi phối cuộc sống cộng đồng, nên việc sử dụng công cụ sản xuất bằng đá ít hơn giai đoạn trước. Các công cụ bằng đá tìm thấy tại các di tích ở khu vực này qua các cuộc khai quật rất ít: Gò Cá Sỏi (18 hiện vật), di tích Gò Cây Me (12 hiện vật). Bên cạnh đó, một số di tích khác đã phổ biến dụng cụ bằng đồng như Bưng Thơm và Bưng Bạc, công cụ bằng đá không nhiều: tại Bưng Thơm chỉ có 12 công cụ, còn tại Bưng Bạc lại tìm thấy những chiếc rìu tứ giác được mài bằng nơi rìa lưỡi (góc lưỡi tù, không sắc bén) có lẽ công cụ này đã chuyển sang một mục đích sử dụng khác, mà theo một nhà khảo cổ học thì có thể nó được dùng trong công nghệ luyện kim. Các loại hình công cụ được tìm thấy cũng đơn điệu hơn giai đoạn sớm, chỉ còn phổ biến rìu tứ giác và đục tứ giác. Tuy chưa có các nghiên cứu về chất liệu đá với số lượng mẫu đủ nhiều cho các di tích khu vực này nhưng qua quan sát màu sắc và patine, chúng khác biệt với nguồn đá ở lưu vực sông Đồng Nai có thể chúng được khai thác từ các nguồn đá địa phương.

Những phát hiện trên ở các di tích thuộc khu vực cận biển Đông Nam Bộ vào giai đoạn hậu kỳ đồng - sơ kỳ sắt cho thấy công cụ đá đã mất dần vai trò của nó. Và điều này đã lý giải sự giảm dần vai trò và biến mất của các công xưởng chế tác công cụ đá tại đây khi phương thức kiếm sống thay đổi.

Tuy nhiên, nếu như việc chế tác công cụ lao động bằng đá suy giảm, thì tại

tiểu vùng văn hóa này, lại phát triển các công xưởng chế tác đồ trang sức. Đó là phát hiện qua hai di tích đặc biệt: di tích Bưng Bạc và di tích Bưng Thơm. Di tích Bưng Bạc là một công xưởng chế tác đồ trang sức bằng đá với các vòng tay được chế tác bằng kỹ thuật khoan tách lõi. Có thể nói Bưng Bạc là một di tích có đầy đủ tư liệu để xác lập ra một quy trình chế tác vòng tay ở Đông Nam Bộ. Điều này càng làm nổi bật hơn vai trò của các công xưởng chuyên hóa chế tác đồ trang sức phục vụ cộng đồng. Hơn nữa, Bưng Bạc là di tích có diện phân bố rất rộng, có nhà khảo cổ học đã xác định đây là ngôi làng cổ và được nhiều người đồng thuận - một ngôi làng với cơ cấu: sản xuất, luyện kim đúc đồng và chế tác vòng tay, một xã hội tiếp tục có sự phân công lao động và phát triển cao hơn ở Đông Nam Bộ. Tại di tích Bưng Thơm, các đợt khai quật cũng phát hiện trong tầng văn hóa 65 mảnh khuôn đúc các loại mà những người trực tiếp khai quật cho rằng đây cũng là nơi chế tác các khuôn đúc bằng sa thạch - là một di chỉ xưởng (Phạm Đức Mạnh, 1996).

Đến giai đoạn hậu kỳ đồng - sơ kỳ sắt, vai trò và sản phẩm của các công xưởng chế tác đá đã có những thay đổi căn bản: thay vì làm ra những công cụ sản xuất bằng đá thì thợ thủ công đã có thể tạo nên những chiếc khuôn để đúc ra các công cụ bằng đồng, hay làm ra những chiếc vòng tay bằng đá với kỹ thuật khoan tách lõi vốn có độ phức tạp và chính xác cao

hơn. Nhưng những thành tựu đó chắc chắn phải được bắt nguồn từ kỹ thuật chế tác công cụ đá trước đây, với những kinh nghiệm tích lũy được từ việc ghè tách những phiến đá từ thanh nguyên liệu, từ việc ghè tu chỉnh trên rìa của các công cụ đá và ghè chằm từ những phiến đá hình tròn trong chế tác vòng tay. Vì vậy, các công xưởng chế tác đá đã có vai trò quan trọng từ những bước đi đầu tiên với việc sản xuất công cụ lao động đơn giản cho đến các sản phẩm phức tạp đòi hỏi độ chính xác cao như khuôn đúc để góp phần đưa cộng đồng cư dân Đông Nam Bộ bước vào thời kỳ phát triển cao hơn. Và chắc rằng những sản phẩm bằng đá Nephrite, bằng Agate hoặc thủy tinh xuất hiện vào thời kỳ phát triển đỉnh cao của tiền sử - sơ sử Đông Nam Bộ cũng dựa trên những kinh nghiệm lưu truyền của các thợ thủ công bản địa vào thời kỳ sản xuất các công cụ bằng đá thô sơ trước đó.

4. KẾT LUẬN

Như vậy, sự ra đời của loại hình công xưởng chuyên hóa thực sự tác động rất lớn đến đời sống của các cộng đồng cư dân cổ Đông Nam Bộ. Khi bắt đầu nghiên cứu thời tiền sử tại đây, các nhà khoa học rất ngạc nhiên về mật độ cao của các loại hình công cụ đá phát hiện tại đây khi chỉ cần đi một vòng trên bề mặt di tích đã nhặt được rất nhiều loại hình công cụ đá, điều mà các trung tâm văn hóa cổ khác khó có thể có được. Trước đây, khi chưa phát hiện các công xưởng chế tác đá chuyên hóa thì đó vẫn còn

là điều khó giải thích, bởi lẽ một cộng đồng cư dân tự cấp tự túc không thể làm ra nhiều sản phẩm đến như vậy nếu không có sự phân công lao động và có những thợ thủ công chuyên nghiệp có trình độ cao, vả lại cũng không có dấu vết của quá trình chế tác tại chỗ. Trong những năm gần đây khảo cổ học đã phát hiện, khai quật và nghiên cứu rất nhiều di tích công xưởng trên địa bàn Nam Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, như: Hoàn Kiếm, Phúc Hưng, Thôn 6 (Lâm Đồng) Thôn Bảy, Làng Ngol, Taipêr, Ia Mơr (Gia Lai), Chư K'Tu (Đắk Lak), Hàng Ông Đụng, Hàng Ông Đại (Bình Dương). Kết quả nghiên cứu đã góp phần làm sáng tỏ thêm cấu trúc kinh tế, cơ cấu xã hội và trình độ phát triển của các cộng đồng cư dân cổ. Đồng thời hiểu thêm về vai trò của các công xưởng trong đời sống của cộng đồng trong quá trình chiếm lĩnh, khai phá vùng đất Đông Nam Bộ.

Hai công xưởng chế tác đá Hàng Ông Đụng và Hàng Ông Đại (Bình Dương) có một vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của cộng đồng cư dân Đông Nam Bộ thời tiền sử. Chính nhờ những chiếc rìu, chiếc cuốc đá được làm ra với số lượng rất lớn tại những công xưởng này đã góp phần bảo đảm công cụ lao động cho các cộng đồng cư dân đang ngày càng lớn mạnh, từ đó họ không chỉ đủ sức chiếm lĩnh vùng cao Đông Nam Bộ mà còn tràn xuống chiếm lĩnh vùng cửa sông cận biển, tạo tiền đề cho một nhịp độ phát triển nhanh hơn khi cộng đồng cư dân này tiếp xúc với các yếu

tổ văn hóa ngoại sinh từ quá trình giao lưu trao đổi qua đường biển. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Khánh Trung Kiên và cộng sự. 2008. *Báo cáo khai quật di tích Hàng Ông Đại (huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
2. Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Khánh Trung Kiên và cộng sự. 2010. *Báo cáo khai quật di tích Hàng Ông Đụng (huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
3. Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2014. Đề tài cấp Bộ: *Di tích đất đắp dạng tròn ở Đông Nam Bộ: nghiên cứu loại hình, chức năng và các quan hệ văn hóa*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
4. Phạm Đức Mạnh 1996. *Di tích khảo cổ học Bưng Bạc (Bà Rịa-Vũng Tàu)*. Hà Nội. Nxb. Khoa học Xã hội.